

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 01- 6- 2022

V/v “ Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và ông Hoàng Văn Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24 /2022/HNGĐ - ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 về “ Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 21 ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn 3, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 2, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa

( Bà N vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Hữu Tiếp trình bày ông và bà Nghĩa đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 8 năm 2009 tại UBND xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 8 năm, đến tháng 6 năm 2017 thì bà Nghĩa xin ông T đi làm thuê tại thành phố Nam Định, sau khi đi được một thời gian thì bà N không muốn quay ở cùng ông nữa và bà Nghĩa muốn ly hôn với ông, nhiều lần ông T khuyên bà Nghĩa quay về để vợ chồng sống cùng nhau, nhưng bà trốn tránh không về, ông T và bà N đã sống ly thân 5 năm,

không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà N.

Về con chung: Ông T trình bày vợ chồng ông bà không có con chung, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là bà Vũ Thị N mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để bà đến Tòa án trình bày lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa, mặc dù bà biết được ông T đang khởi kiện tại Tòa án về việc “ly hôn”, nhưng bà N trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do, từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự, để mặc cho Tòa án giải quyết vụ án, nên vụ án vẫn được đưa ra xét xử để xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho ông T được ly hôn bà N. Về án phí ông Lê Hữu T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, vì vậy miễn án phí cho ông Tiếp theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*[1]. Về tố tụng:* Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Vũ Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng bà Nghĩ trốn tránh không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*[2]. Về hôn nhân:* Ông Lê Hữu T và bà Vũ Thị N đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 40/2009, ngày 11 tháng 8 năm 2009. Việc đăng ký kết hôn của ông bà tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng ông bà thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông bà chưa thực sự quan tâm, vun đắp đến tình cảm và hạnh phúc vợ chồng, bà Ng không còn tình cảm với ông T nữa, nên không muốn quay về đoàn tụ cùng

ông. Nay ông T cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mong muốn được ly hôn. Xét thấy ông, bà sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiệp, xử cho ông T được ly hôn bà N.

[3]. *Về con chung*: Ông bà không có con chung nên không xem xét.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Ông Lê Hữu T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Tiệp được miễn toàn bộ án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Hữu T. Xử cho ông T được ly hôn bà Vũ Thị N.

*Về con chung*: ông bà không có con chung nên không giải quyết.

*Về tài sản*: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà N không có ý kiến gì nên không xét.

*Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí cho ông Lê Hữu T.

*Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho ông Lê Hữu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Vũ Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã Thọ Tân
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bá Long   Ngô Thị Mai**

**Lê Thị Thủy**

















